

Số: 02 /BC-STTTT

Bình Thuận, ngày 11 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030

Thực hiện Công văn số 5066/BTTTT-THH ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo tình hình triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg và cung cấp số liệu phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Quyết định số 749/QĐ-TTg

Ban hành các văn bản: Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về kiện toàn Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh; Kế hoạch số 1478/KH-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Kế hoạch số 5038/KH-UBND ngày 24/12/2020 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 24/12/2020 về Chuyển đổi số tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

a. Chỉ tiêu phát triển Chính phủ số

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành: hoàn thành triển khai mở rộng đến các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, các phòng ban cấp huyện, cấp xã (424 đơn vị), đảm bảo 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, các phòng ban cấp huyện, cấp xã và

10 đơn vị khác được triển khai sử dụng phần mềm; hoàn thành kết nối liên thông phần mềm theo mô hình liên thông 4 cấp (xã – huyện – tỉnh – Trung ương) và thực hiện phát hành văn bản điện tử trên Trục liên thông văn bản Quốc gia. Việc khai thác, sử dụng phần mềm ở các đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện sử dụng theo quy trình khép kín, thực hiện ký số, gửi nhận văn bản liên thông qua phần mềm, không gửi văn bản (trừ văn bản mật), hoàn thành chỉ tiêu 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước tỉnh dưới dạng điện tử. Hiện nay tỉnh đang triển khai nâng cấp bổ sung một số tính năng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Hệ thống truyền hình hội nghị toàn tỉnh ở 2 cấp tỉnh, huyện; trên mạng truyền số liệu chuyên dùng đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến cho UBND các cấp và các sở, ngành với các đơn vị trực thuộc toàn tỉnh. Đang triển khai Hệ thống đến cấp xã trong toàn tỉnh; Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp dữ liệu động (LRIS) và thực hiện kết nối với Hệ thống báo của Chính phủ để thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh: hoạt động ổn định và phát huy hiệu quả, đảm bảo triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay đã cấp 78 tên miền cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh với số lượng tài khoản là 14.213 tài khoản, đảm bảo 100% cơ quan chuyên môn và 100% CBCCVC trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cấp xã được cấp hộp thư điện tử; 100% CBCC cấp tỉnh, 94% CBCC cấp huyện và 80% CBCC cấp xã thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc.

- Chữ ký số: 100% các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, các phòng ban cấp huyện và cấp xã được cấp chứng thư số và sử dụng chứng thư số

- Các ứng dụng CNTT phục vụ Trung tâm Hành chính công: hoạt động tương đối ổn định, phát huy hiệu quả đầu tư, đáp ứng tốt nhu cầu xử lý công việc trong hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Ban hành Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận, phiên bản 2.0 phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; Hoàn thành và đưa

vào hoạt động Trục kết nối liên thông, chia sẻ, trao đổi dữ liệu quy mô cấp tỉnh ESB (*LGSP cấp tỉnh, dự án thành phần Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh*) nhằm để kết nối liên thông và tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh với các Bộ ngành và Chính phủ: Phần mềm QLVB&ĐH, Hệ thống Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến, các Hệ thống thông tin cấp Bộ/Ngành Trung ương: Cổng dịch vụ công Quốc gia; kết nối, liên thông dữ liệu hộ tịch với Bộ Tư pháp; cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Bộ Tài chính; Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp dùng chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến Quốc gia.

- Ban hành “Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (*Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 5/12/2019 của UBND tỉnh*): Tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận đến năm 2025; Kế hoạch triển khai thí điểm Trung tâm điều hành Đô thị Thông minh tỉnh Bình Thuận IOC vào năm 2021; Triển khai Lập Kế hoạch thuê dịch vụ Công du lịch thông minh tỉnh.

- Rà soát, ban hành mã định danh của các cơ quan, đơn vị thuộc/trực thuộc UBND tỉnh Bình Thuận và hoàn thành cập nhật đồng bộ mã định danh của tỉnh.

- Thực hiện kết nối hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Zalo nhằm công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tỉnh (*tra cứu trên website, tin nhắn SMS, quét mã QR qua Zalo,...*) và kết nối với Hệ thống công nghệ thông tin của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam nhằm triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử liên thông: được đưa vào sử dụng từ năm 2017 và được triển khai đồng bộ, thống nhất theo mô hình tập trung cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh ở 3 cấp (trừ Thanh tra tỉnh) UBND cấp huyện, cấp xã và kết nối liên thông với Cổng DVCTT tỉnh, các hệ thống phần mềm tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; hầu hết các quy trình, thủ tục hành chính đã được cập nhật vào phần mềm, phục vụ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Triển khai thực hiện Đề án nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại trên

địa bàn tỉnh Bình Thuận. Đề án thực hiện trong 05 năm và chia thành 02 giai đoạn: giai đoạn 1 (2019 – 2020), giai đoạn 2 (2021-2023), triển khai đầu tư, lắp đặt các hạng mục thiết bị CNTT và đầu tư hệ thống phần mềm tại Bộ phận tiếp và trả kết quả cho 10 đơn vị cấp huyện và đơn vị cấp xã.

b. Chỉ tiêu phát triển Kinh tế số:

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng;

- Lĩnh vực Bru chính: Doanh thu đạt 250 tỷ đồng. Nộp ngân sách đạt 9,5 tỷ đồng. Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Lĩnh vực Viễn thông: Doanh thu đạt hơn 1.803 tỷ đồng. Nộp ngân sách nhà nước 127 tỷ đồng. Hạ tầng viễn thông được đẩy mạnh đầu tư; hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn mạng lưới thông tin, thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp; Chất lượng dịch vụ điện thoại và tốc độ Internet luôn được đảm bảo phù hợp các chỉ tiêu đã công bố của doanh nghiệp theo quy định và duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập Internet và các dịch vụ có liên quan của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c. Chỉ tiêu phát triển Xã hội số:

- Mạng lưới phục vụ bu chính, viễn thông với 1.200 cơ sở kinh doanh dịch vụ BCVT, đạt bán kính phục vụ bình quân là 1,44 km/cơ sở. Tổng số thuê bao điện thoại các loại ước đạt: 1.846.000 thuê bao (điện thoại cố định là 30.000 thuê bao), mật độ điện thoại 147 thuê bao/100 dân; tổng số thuê bao Internet ước đạt: 140.000 thuê bao, tỷ lệ người sử dụng Internet (quy đổi) là 60%. Tổng số vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động BTS 2.200; Hạ tầng mạng viễn thông 3G, 4G được phát triển mở rộng phủ khắp 98% dân số; Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 100% xã, thị trấn trên toàn tỉnh; hạ tầng truyền dẫn quang đến nay đã phủ khắp toàn tỉnh đảm bảo cung cấp dịch vụ băng rộng đến 100% xã, phường trong tỉnh (Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% địa bàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm

kiểm thông tin của người dân trong tỉnh.

3. Việc tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số:

Sở Thông tin và Truyền thông đã định hướng cho các cơ quan báo đài tuyên truyền, phổ biến, tăng cường tin, bài về các chính sách, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc chuyển đổi số và các nội dung Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Phát triển hạ tầng, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số:

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT trong cơ quan nhà nước

+ Hạ tầng kỹ thuật CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh đã từng bước được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể như sau:

+ *Các sở, ngành, địa phương*: 100% CBCC cấp tỉnh, huyện, xã có máy tính (1 máy tính/CBCC); 100% sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao và kết nối mạng WAN tỉnh bằng đường truyền số liệu chuyên dùng tốc độ cao, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, kết nối ổn định; 100% UBND cấp xã có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao; Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh phục vụ có hiệu quả các cuộc họp trực tuyến giữa Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương với tỉnh; giữa UBND tỉnh với 10/10 UBND huyện, thị xã, thành phố.

+ *Trung tâm Tích hợp dữ liệu (THDL) tỉnh*: được triển khai phần mềm ảo hóa và điện toán đám mây theo công nghệ mã nguồn mở để quản lý và tối ưu hóa hạ tầng máy chủ và thiết bị mạng. Trung tâm THDL tỉnh với hơn 40 máy chủ và nhiều thiết bị mạng, thiết bị bảo mật chuyên dụng (Coreswitch, Firewall, Antispammail, thiết bị IDS/IPS, hệ thống lưu trữ (SAN), thiết bị lưu trữ tập trung (NAS); thiết bị chống sét trên đường truyền mạng LAN; giao thức truy cập bảo mật HTTPS,...) duy trì hoạt động thông suốt, ổn định, đảm bảo an toàn, bảo đảm ngăn ngừa các cuộc tấn công từ bên ngoài, khai thác sử dụng 24/7, hạn chế tối đa việc mất an toàn thông tin và dữ liệu.

- Hạ tầng CNTT trong khối y tế, giáo dục

+ Ngành y tế: 100% các đơn vị có máy tính và được cài đặt phần mềm diệt

virus có bản quyền; 100% cơ sở Y tế tuyến xã, huyện, tỉnh đều có trang bị máy tính và kết nối Internet băng rộng; 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế; 100% các bệnh viện, cơ sở y tế từ tỉnh đến xã thực hiện việc báo cáo và trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin ngành y tế... Nhìn chung hạ tầng về thiết bị của ngành Y tế đã được quan tâm đầu tư (*thiết bị CNTT, hệ thống mạng, hệ thống rút phiếu tự động, ...*) tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng phục vụ chuyên ngành (*VNPT_HIS, ...*). Toàn ngành Y tế của tỉnh có khoảng hơn 1.380 máy trạm và 100 máy chủ.

+ Ngành giáo dục: 100% các trường THPT, THCS và tiểu học đều được đầu tư máy tính dùng trong công tác quản lý và dạy học; 100% các Trường THPT, THCS và các trường tiểu học có mạng LAN và kết nối Internet tốc độ cao; 100% các trường THPT, THCS và tiểu học đều có Trang thông tin điện tử tích hợp trên Hệ thống thông tin Ngành giáo dục; 100% trường Tiểu học, THCS, THPT sử dụng sổ điện tử trong nhà trường; 100% cán bộ, giáo viên tại các trường từ tiểu học trở lên sử dụng CNTT để thực hiện xây dựng giáo án điện tử, bài giảng điện tử; 100% các trường THPT, THCS đều giảng dạy tin học. Bên cạnh đó các trường mầm non cũng đã được quan tâm đầu tư máy tính và kết nối internet. Toàn ngành Giáo dục của tỉnh có khoảng hơn 10.250 máy trạm và hơn 300 máy chủ.

- Sở đã ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng phục vụ chuyển đổi số tỉnh Bình Thuận năm 2021

5. Tình hình chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Quyết định 749/QĐ-TTg

5.1. Lĩnh vực y tế:

- Ứng dụng CNTT vào quản lý và hoạt động ngành y tế, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ứng dụng Telemedicine, Telehealth trong hỗ trợ chẩn đoán và điều trị từ xa; Ứng dụng chương trình Zoom Cloud Meeting để tập huấn, giao ban trực tuyến hàng tháng với các đơn vị y tế tỉnh, huyện; Triển khai đồng bộ phần mềm Quản lý bệnh viện (VNPT -HIS) cho 100% các cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh ở cả 3 tuyến, bước đầu mang lại hiệu quả sử dụng trong toàn ngành, đáp ứng yêu cầu quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế...; Phần mềm giám định bảo hiểm y tế được triển khai

cho 129/138 cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh nhằm kết nối liên thông các cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh với cơ quan BHXH, hiện phần mềm đang được khai thác hiệu quả ở các đơn vị. Các ứng dụng chuyên ngành khác như: Báo cáo thống kê ngành Y tế, tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh; Phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế; Phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia; Phần mềm Vitimes dùng quản lý đối tượng trong chương trình chống Lao Quốc gia; Phần mềm HIV info 3.1 quản lý đối tượng HIV/AIDS; Phần mềm quản lý tài sản Bộ Y tế; Chương trình thống kê chi phí khám chữa bệnh và thanh quyết toán BHYT; Phần mềm giao dịch điện tử Bảo hiểm xã hội VNPT-BHXH; Phần mềm quản lý nhân sự đang được khai thác hiệu quả tại các đơn vị thuộc ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

- Bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện đều ứng dụng CNTT vào quản trị bệnh viện; Phần mềm quản lý khám chữa bệnh ngoại trú BHYT triển khai ở 100% tuyến xã và tuyến huyện, liên thông CSDL khám chữa bệnh BHYT toàn tỉnh; Nhiều bệnh viện tuyến tỉnh và huyện ứng dụng bệnh án điện tử (BV Phan Thiết, BV An Phước, Tâm Phúc,...) từng bước hướng đến bệnh viện thông minh, y tế thông minh. Các bệnh viện tuyến tỉnh tăng cường ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới trong nước và thế giới vào điều trị như: can thiệp mạch vành, phẫu thuật nội soi, điều trị đột quy, triển khai kỹ thuật chụp mạch máu số hóa xóa nền (DSA).

5.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

- 100% các trường học cấp THCS, THPT trên địa bàn tỉnh đã có phòng máy và đưa bộ môn tin học vào giảng dạy cho học sinh, cấp tiểu học có ; 100% Cán bộ công chức ngành Giáo dục sử dụng hệ thống e-mail phục vụ công vụ (tên miền gov, edu); việc khai thác tài nguyên trên các trang tin của Bộ GDĐT được thực hiện thường xuyên.

- Triển khai đồng bộ và duy trì ổn định, khai thác có hiệu quả phần mềm Quản lý giáo dục (VNPT-Edu) ở tất cả các cấp học trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 100% các trường THPT, THCS, tiểu học ứng dụng phần mềm ; Các đơn vị trường học ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, giảng dạy như quản lý học sinh, phiếu liên lạc điện tử; dạy và học trực tuyến,... Sở Giáo dục và Đào tạo phát động phong trào tự nghiên cứu, tự học để nâng cao kiến thức về CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên; qua đó, xây dựng và bồi dưỡng lực lượng nòng cốt, chuyên trách về CNTT để tổ chức các lớp tập huấn cho toàn thể giáo viên các trường, cơ sở giáo

dục.

5.3. Lĩnh vực tài chính – ngân hàng:

- Triển khai nhiều giải pháp như tăng cường tuyên truyền, phối hợp các ngân hàng liên kết trả lương cho CBCCVC để hướng dẫn CBCCVC sử dụng và nắm bắt những tiện ích của việc thanh toán không dùng tiền mặt. Từ đó, có nhiều CBCCVC thực hiện thanh toán tiền điện, nước, cước viễn thông, học phí,...không dùng tiền mặt.

- Ứng dụng CNTT sử dụng các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ như: Quản lý tài sản nhà nước, hệ thống TABMIS, Quản lý tổng hợp báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành,...được CBCC khai thác, vận hành hiệu quả.

- Hiện nay, mạng lưới ATM trên địa bàn tỉnh đã phủ đến các trung tâm huyện, thị, thành phố trong tỉnh, ban hành và một số chính sách ưu đãi khác nhằm khuyến khích khách hàng thanh toán qua thẻ khi mua sắm để giảm bớt thanh toán tiền mặt; thường xuyên phối hợp với các đơn vị (tổ chức, doanh nghiệp,...) triển khai dịch vụ trả lương qua tài khoản theo Chỉ thị 20 của Chính Phủ.

5.4. Lĩnh vực nông nghiệp:

- Lĩnh vực nông nghiệp đã triển khai nông nghiệp thông minh, quản lý truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hướng đến nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững gắn liền với ứng phó để thích nghi với biến đổi khí hậu cùng với ứng dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; Triển khai “Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông nghiệp nông thôn tỉnh” phê duyệt tại Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 22/10/2020.

- Ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp...

- Công tác hỗ trợ các dự án nông nghiệp, thủy sản thông minh trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm.

5.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

- Lĩnh vực đất đai: Ứng dụng phần mềm chuyên ngành vào sử dụng như: phần mềm MicroStation SE theo quy định của ngành để quản lý, chỉnh lý và cập nhật bản đồ số, mapinfo, phần mềm quản lý tài nguyên và môi trường, hệ thống quản lý thông tin thông tin đất đai cấp huyện (Vilis)... qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn; đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

- Lĩnh vực khoáng sản; định vị vị trí thửa đất (GPS); xác định mức độ phù hợp với quy hoạch khoáng sản (phần mềm MicroStation).

- Phần mềm “Hệ thống quản lý môi trường ngành xây dựng” được đưa vào vận hành với chức năng quản lý toàn bộ các số liệu của tỉnh về: hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh đô thị, chất thải rắn,...

- Ngoài ra, phần mềm một cấp của Sở Tài nguyên và Môi trường sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

- Các phần mềm quản lý thanh tra khiếu nại tố cáo, quản lý dự án đầu tư, quản lý giao và thuê đất, phần mềm quản lý kho, quản lý CSDL hồ sơ đất đai đã được xây dựng và chuyển giao cho các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Triển khai xây dựng hệ thống giám sát khai thác tài nguyên khoáng sản Phần mềm thủy đạc chuyên dụng Hypack Ultralite đều là phần mềm thương mại và chuyên dùng trong ngành tài nguyên và môi trường.

5.6. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

Thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử cho cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, đoàn viên thanh niên, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp trẻ ; Triển khai các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tập trung triển khai các Kế hoạch số 1478/KH-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Kế hoạch số 5038/KH-UBND

ngày 24/12/2020 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 – 2025;

2. Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 24/12/2020 về Chuyển đổi số tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận./.

Nơi nhận:

- Cục THH (Bộ TT&TT);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BCVT&CNTT.Hàng.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tuấn